

Số: 2024/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo
10/2024

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, KHAI THÁC SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀO MỤC ĐÍCH KINH DOANH, CHO THUÊ, LIÊN DOANH LIÊN KẾT VÀ TIẾP NHẬN TÀI SẢN DO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG NƯỚC HIẾN, BIỂU, TẶNG, CHO, ĐÓNG GÓP, TÀI TRỢ, HÌNH THỨC CHUYỂN GIAO SỞ HỮU KHÁC CỦA TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia;

Xét đề nghị của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định quy định quản lý, khai thác sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết và tiếp nhận tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước hiến, biểu, tặng, cho, đóng góp, tài trợ, hình thức chuyển giao sở hữu khác của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết:

1. Nguyên tắc, điều kiện, nội dung, cơ chế tài chính, trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, quy định phương thức và giá cho thuê tài sản công trên địa bàn Thành phố Hà Nội quy định tại điểm d khoản 2 Điều 24, khoản 6 Điều 41 Luật Thủ đô đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

2. Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước hiến, biểu, tặng, cho, đóng góp, tài trợ và hình thức chuyển giao quyền sở hữu

khác quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 24 Luật Thủ đô đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

3. Việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia và các cơ sở hoạt động của Trung tâm trên địa bàn Thành phố Hà Nội (Trung tâm);
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tài sản thuộc Trung tâm

1. Tài sản có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ các nguồn khác được giao cho Trung tâm quản lý, sử dụng;
2. Tài sản do các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, biếu, tặng, cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ và hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác cho Trung tâm;
3. Tài sản do Trung tâm tự đầu tư, xây dựng, mua sắm từ các nguồn tài chính của Trung tâm.

Điều 4. Tài sản của Trung tâm được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trong các trường hợp

1. Tài sản được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất;
2. Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để phục vụ hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết mà không do ngân sách nhà nước đầu tư;
3. Việc sử dụng tài sản để liên doanh, liên kết đem lại hiệu quả cao hơn trong việc cung cấp dịch vụ công theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
4. Tài sản thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn Thành phố Hà Nội sử dụng để cung cấp các dịch vụ cho các hoạt động công nghệ cao, cung cấp thiết bị dùng chung, cung cấp không gian làm việc, nghiên cứu, ươm tạo, thử nghiệm và trình

diễn công nghệ để hỗ trợ các hoạt động công nghệ cao, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

Trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại khoản 1, 2, 3 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công.

Điều 5. Yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Tài sản được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phải được lập đề án sử dụng hoặc hồ sơ đề nghị trình Hội đồng quản lý phê duyệt quy định cụ thể tại Thông tư này

2. Việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao là các hoạt động theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ gồm: cung cấp dịch vụ ăn uống, trông, giữ xe cho cán bộ, công nhân viên của Trung tâm, khách đến giao dịch, công tác; Trung tâm phải hoàn thành các kế hoạch, nhiệm vụ, đơn đặt hàng do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giao, đặt hàng hoặc trúng thầu cung cấp dịch vụ công;

3. Không làm mất quyền sở hữu về tài sản công; bảo toàn và phát triển vốn, tài sản Nhà nước giao; Sử dụng tài sản đúng mục đích được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

4. Phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản công quy định tại điểm d khoản 2 Điều 55 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: Sử dụng tài sản công trong thời gian không phải thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao; Thời gian, cường độ sử dụng tài sản phải cao hơn khi chưa thực hiện kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; cung cấp được nhiều dịch vụ công hơn cho xã hội;

5. Tính đủ khấu hao tài sản cố định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

6. Tài sản phải được duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hoả hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật. Trung tâm phải sử dụng nguồn thu được từ việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản và mua bảo hiểm hoặc công cụ quản lý rủi ro khác theo quy định;

7. Thực hiện theo cơ chế thị trường quy định tại điểm h khoản 2 Điều 55 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: Xác định giá cho thuê tài sản công phù hợp với giá cho thuê trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ; Xác định giá trị tài sản khi liên doanh, liên kết phải phù hợp với giá trị thực tế của tài sản trên thị trường;

8. Số tiền thu được từ việc sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết sau khi chi trả các chi phí hợp lý có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có), thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước, với các bên liên quan, phần còn lại, Trung tâm được quản lý, sử dụng theo quy định về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên.

Điều 6. Mục tiêu, nguyên tắc, hình thức tiếp nhận tài sản do các tổ chức, cá nhân trong nước hiến, biếu, tặng, cho, đóng góp, tài trợ và hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác

1. Trung tâm được tiếp nhận tài sản do các tổ chức, cá nhân trong nước hiến, biếu, tặng, cho, đóng góp, tài trợ và hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác (sau đây gọi chung là tài trợ) để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, chi thường xuyên, hỗ trợ hoạt động và công tác quản lý vận hành của Trung tâm theo nội dung cam kết với nhà tài trợ.

2. Tài sản do các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước tài trợ cho Trung tâm được xác định là tài sản công hợp pháp của Trung tâm mà không phải xác lập quyền sở hữu toàn dân và không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

3. Việc tiếp nhận tài trợ phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch.

4. Trung tâm không được tiếp nhận tài trợ gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động trái pháp luật.

5. Việc tiếp nhận tài trợ không quy định mức tài trợ bình quân, không quy định mức tài trợ tối thiểu;

6. Không lợi dụng việc tài trợ là điều kiện cho việc cung cấp dịch vụ cho các nhà tài trợ;

7. Việc tiếp nhận tài trợ không vì mục đích thương mại hoặc phân chia lợi nhuận, tư lợi cá nhân;

8. Nguồn tài trợ phải là nguồn tiền, tài sản hợp pháp;

9. Việc tiếp nhận tài trợ chỉ được thực hiện khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về phân cấp thẩm quyền tại Thông tư này;

10. Khuyến khích các nhà tài trợ tự tổ chức thực hiện đầu tư, xây dựng, mua sắm trang thiết bị và lắp đặt hoàn chỉnh để bàn giao theo thoả thuận và hướng dẫn của Trung tâm.

11. Trung tâm được phép tự quản lý và chịu trách nhiệm về mục đích sử dụng tài sản tài trợ, kết quả sử dụng tài trợ đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết với các nhà tài trợ.

12. Trung tâm quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, không để thất thoát, lãng phí;

13. Dòng tiền tiếp nhận và chi ra cho khoản tài trợ phải được thực hiện thông qua tài khoản tiếp nhận tài trợ của Trung tâm mở tại ngân hàng thương mại;

14. Nhà tài trợ phải tự đảm bảo và tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc, tính hợp pháp của tài sản tài trợ cho Trung tâm.

15. Trung tâm được tiếp nhận tài sản tài trợ bằng tiền hoặc bằng tài sản không phải là tiền:

a) Tài trợ bằng tiền: Nhà tài trợ thực hiện chuyển khoản tiền tài trợ bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ cho Trung tâm thông qua tài khoản của Trung tâm mở tại ngân hàng thương mại.

b) Tài trợ bằng tài sản không phải là tiền như máy móc, trang thiết bị, phương tiện giao thông, đất đai, công trình xây dựng và các tài sản khác có giá trị sử dụng phải được quy đổi ra tiền là đồng Việt Nam, được thể hiện tại hồ sơ nhận tài trợ.

c) Trung tâm thực hiện xác định giá trị tài sản đối với tài sản tài trợ tại điểm b, khoản 15 Điều này. Trên cơ sở giá trị tài sản đã xác định, Trung tâm thông báo cho nhà tài trợ và ghi vào hồ sơ tiếp nhận tài trợ trình người có thẩm quyền phê duyệt trước khi tiếp nhận tài sản tài trợ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Trung tâm lập đề án sử dụng tài sản công theo Mẫu số 01/TSC-ĐA ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp tỷ lệ nguyên giá tài sản sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết so với tổng nguyên giá tài sản Trung tâm đang quản lý, sử dụng từ 1% trở lên trình Hội đồng quản lý quyết định.

2. Lấy ý kiến và quyết định đề án sử dụng tài sản công

- Trung tâm gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hồ sơ gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư bao gồm: Văn bản xin ý kiến: 01 bản chính; Dự thảo Đề án sử dụng tài sản công của Trung tâm: 01 bản; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, cho ý kiến về: Sự cần thiết; sự phù hợp của đề án với chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan; các nội dung trong đề án cần phải chỉnh lý, hoàn thiện.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý, Trung tâm có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến để chỉnh lý, hoàn thiện đề án, trình Hội đồng quản lý phê duyệt theo thẩm quyền.

a) Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt đề án gồm:

- Tên đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Danh mục tài sản được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Thời hạn thực hiện đề án (thời gian đề án có hiệu lực).

- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Sau khi đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được Hội đồng quản lý phê duyệt mà Trung tâm phát sinh các tài sản khác sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thì việc lập, lấy ý kiến, trình, quyết định đề án sử dụng tài sản đó vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện theo quy định tại Điều này.

4. Trường hợp Trung tâm sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết với các đơn vị sự nghiệp công lập khác nhằm cung cấp dịch vụ công thì các đơn vị cùng lập một đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết. Trên cơ sở đó, các bên tham gia liên doanh, liên kết báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền của đơn vị phê duyệt theo thẩm quyền và trình tự quy định tại Điều này làm cơ sở thực hiện, không phải tổ chức lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.”

5. Trường hợp tỷ lệ nguyên giá tài sản sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết so với tổng nguyên giá tài sản Trung tâm đang quản lý, sử dụng dưới 1%, Trung tâm không phải lập đề án sử dụng tài sản công theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này mà lập hồ sơ đề nghị sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để trình Hội đồng quản lý quyết định.

a) Hồ sơ đề nghị gồm:

- Văn bản đề nghị sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (trong đó nêu rõ sự cần thiết; tài sản sử dụng (chủng loại, số lượng, diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại); hình thức hoặc phương thức sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; thời hạn thực hiện; dự kiến số tiền thu được (nếu có)): 01 bản chính;

- Các hồ sơ khác liên quan đến tài sản đề nghị: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, Hội đồng quản lý xem xét, quyết định việc sử dụng tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp không thống nhất việc sử dụng tài sản.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết gồm:

- Tên đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản;

- Danh mục tài sản (chủng loại, số lượng, diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại; Hình thức hoặc phương thức sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.; thời hạn thực hiện);

- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trung tâm không phải tổ chức lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này

đ) Trung tâm có trách nhiệm cấp hóa đơn bán hàng cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

e) Số tiền thu được từ sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, phần còn lại là nguồn thu của Trung tâm được quản lý, sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 8. Phương thức và giá cho thuê tài sản công

1. Việc cho thuê tài sản công tại Trung tâm được thực hiện theo hình thức cho thuê trực tiếp áp dụng trong các trường hợp sau:

- Tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Tài sản là phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị;

- Cho thuê từng hạng mục thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp (hội trường, phòng họp, phòng hội thảo, phòng thí nghiệm, phòng điều trị...)

2. Giá cho thuê tài sản được niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở Trung tâm và trên Trang thông tin điện tử của Trung tâm. Giá cho thuê do Giám đốc Trung tâm phê duyệt phù hợp với giá cho thuê phổ biến tại thị trường địa phương của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ và đã tính toán đủ các chi phí hợp lý có liên quan đến việc cho thuê tài sản gồm:

- a) Chi phí khấu hao tài sản cố định cho thuê;
- b) Chi phí định giá, thẩm định giá tài sản cho thuê (nếu có);
- c) Chi phí quản lý, vận hành tài sản trong thời gian cho thuê;
- d) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Việc cho thuê tài sản phải được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người thuê tài sản có nhu cầu đầu tư thêm để nâng cao giá trị sử dụng của tài sản thì phải được sự đồng ý của Trung tâm; phần giá trị tài sản đầu tư thêm thuộc về Trung tâm sau khi hết thời hạn thuê, kể cả trường hợp Hợp đồng thuê chấm dứt trước thời hạn.

Trường hợp khi hết thời hạn cho thuê theo hợp đồng mà người thuê tài sản có nhu cầu tiếp tục thuê tài sản đó thì Trung tâm lập thỏa thuận với người thuê tài sản để gia hạn Hợp đồng thuê; thời gian gia hạn không vượt quá thời gian cho thuê lần đầu và trong thời hạn thực hiện Đề án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; giá cho thuê do Giám đốc Trung tâm quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều này tại thời điểm gia hạn hợp đồng, nhưng không thấp hơn giá cho thuê của lần trước.

4. Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản, sau khi chi trả các chi phí hợp lý có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có), thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, phần còn lại, Trung tâm được quản lý, sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên.

Điều 9. Lựa chọn đối tác, hình thức, xác định giá trị tài sản để liên doanh, liên kết và xử lý tài sản sau khi kết thúc liên doanh, liên kết

Sau khi có quyết định phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền về đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết, Giám đốc Trung tâm quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản công sử dụng vào liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều này và Hội đồng lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết.

1. Lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết:

a) Lập thông báo công khai về việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết trên Trang thông tin của Trung tâm. Thông báo công khai về việc lựa chọn đối tác gồm các nội dung chủ yếu:

- Thông tin của Trung tâm;
- Tài sản dự kiến liên doanh, liên kết;
- Phương án liên doanh, liên kết;
- Tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm c khoản này;
- Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký.

b) Hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia liên doanh, liên kết của tổ chức, cá nhân: 01 bản chính;
- Phương án liên doanh, liên kết (trong đó có nội dung về xử lý tài sản sau khi kết thúc thời hạn liên doanh, liên kết) kèm theo phương án tài chính của việc liên doanh, liên kết: 01 bản chính;
- Hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân phù hợp với lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết: 01 bản sao;
- Chứng thư thẩm định giá (trong trường hợp sử dụng tài sản của tổ chức, cá nhân để liên doanh, liên kết): 01 bản sao;
- Các hồ sơ khác có liên quan: 01 bản sao.

c) Tiêu chí lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết bao gồm:

- Năng lực, kinh nghiệm của đối tác trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết;
- Hiệu quả của phương án tài chính;
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết của đối tác bảo đảm cho việc liên doanh, liên kết;
- Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết;
- Các tiêu chí khác phù hợp với mục đích liên doanh, liên kết, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị do Trung tâm quyết định.

d) Đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết

Trên cơ sở các hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân, Hội đồng lựa chọn đối tác đánh giá để chấm điểm theo các tiêu chí quy định tại điểm c khoản này. Thang điểm đánh giá và xử lý các tình huống thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

2. Các hình thức sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết:

a) Hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới, các bên sử dụng tài sản của mình để thực hiện liên doanh, liên kết và tự quản lý, sử dụng tài sản của mình, tự bảo đảm các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và được chia kết quả từ hoạt động liên doanh, liên kết theo hợp đồng;

b) Hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới, các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng góp tài sản hoặc góp vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản sử dụng cho mục đích liên doanh, liên kết; các tài sản này được các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng kiểm soát việc quản lý, sử dụng;

c) Hình thức liên doanh, liên kết hình thành pháp nhân mới, các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng góp tài sản hoặc góp vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản sử dụng cho mục đích liên doanh, liên kết; pháp nhân mới có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và Hợp đồng liên doanh, liên kết.

3. Xác định giá trị tài sản công để liên doanh, liên kết:

a) Đối với tài sản là quyền sử dụng đất đủ điều kiện góp vốn theo quy định của pháp luật về đất đai, giá trị quyền sử dụng đất được xác định theo giá thị trường tại thời điểm góp vốn liên doanh, liên kết;

b) Đối với tài sản gắn liền với đất đủ điều kiện góp vốn theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan, giá trị tài sản được xác định phù hợp với giá trị thực tế còn lại theo kết quả đánh giá lại tại thời điểm góp vốn liên doanh, liên kết;

c) Đối với tài sản là thương hiệu của Trung tâm, việc xác định giá trị thương hiệu để góp vốn liên doanh, liên kết được thực hiện theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan;

d) Đối với tài sản không thuộc quy định tại các điểm a, b và c khoản này, giá trị tài sản được xác định phù hợp với giá thị trường tại thời điểm liên doanh, liên kết của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ.

đ) Đối với tài sản quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều này, giá trị tài sản phải do một đơn vị thẩm định giá xác định. Đơn vị thẩm định giá do Trung tâm và các đối tác liên doanh, liên kết cùng chỉ định. Đối với tài sản quy định tại điểm d khoản 3 Điều này, giá trị tài sản được xác định theo giá thỏa thuận giữa Trung tâm và các đối tác liên doanh, liên kết.

4. Quản lý, sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết:

a) Trường hợp Trung tâm thực hiện liên doanh, liên kết theo hình thức quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này, việc quản lý, sử dụng tài sản công của Trung tâm thực hiện theo quy định của Hợp đồng liên doanh, liên kết;

b) Trường hợp Trung tâm thực hiện liên doanh, liên kết theo hình thức quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, tài sản của Trung tâm được sử dụng để góp vốn liên doanh, liên kết do pháp nhân mới quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Xử lý tài sản sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết

a) Tài sản tham gia liên doanh, liên kết của Trung tâm và tài sản hình thành thông qua hoạt động liên doanh, liên kết là quyền sử dụng đất, nhà, công trình và các tài sản khác gắn liền với đất sau khi kết thúc liên doanh, liên kết (bao gồm cả trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn) thì phải chuyển giao không bồi hoàn cho Trung tâm quản lý, sử dụng. Trường hợp Trung tâm liên doanh, liên kết với các đơn vị sự nghiệp công lập khác thì tại Hợp đồng liên doanh, liên kết phải xác định cụ thể việc phân chia quyền sử dụng đất, nhà, công trình và các tài sản khác gắn liền với đất hình thành thông qua hoạt động liên doanh, liên kết để làm cơ sở xử lý sau khi kết thúc liên doanh, liên kết.

b) Đối với các tài sản khác sau khi kết thúc liên doanh, liên kết (bao gồm cả trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn) được xử lý theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản liên doanh, liên kết theo hình thức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết, Trung tâm tiếp tục quản lý, sử dụng;

b) Đối với tài sản liên doanh, liên kết theo hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết được xử lý theo nguyên tắc phần tài sản thuộc về mỗi bên được xác định tương ứng với giá trị tài sản hoặc vốn góp khi đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản sử dụng cho mục đích liên doanh, liên kết;

c) Đối với các tài sản được hình thành thông qua hoạt động liên doanh, liên kết theo hình thức quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết, các tài sản này được chia cho các bên tham gia liên doanh, liên kết theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bên; trường hợp không chia được bằng hiện vật thì thực hiện bán cho các bên còn lại trong liên doanh theo giá thị trường; trường hợp các bên liên doanh không mua thì thực hiện bán theo hình thức đấu giá; giá mua/bán tài sản của các bên trong liên doanh do các bên thống nhất thuê doanh nghiệp thẩm định giá xác định;

d) Trường hợp các bên tham gia trong liên doanh, liên kết tự nguyện chuyển giao không bồi hoàn quyền sở hữu phần tài sản của mình cho Trung tâm, Trung tâm thực hiện theo quy định về tài sản tài trợ tại Thông tư này.

6. Chi phí hợp lý có liên quan đến việc sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết gồm:

- a) Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- b) Chi phí định giá, thẩm định giá, đấu giá tài sản (nếu có);
- c) Chi phí quản lý, vận hành tài sản trong thời gian liên doanh, liên kết;
- d) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

7. Số tiền thu được từ việc sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết, sau khi chi trả các chi phí hợp lý có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có), thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, phần được chia còn lại của Trung tâm được quản lý, sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên.

8. Việc chấm dứt Hợp đồng liên doanh, liên kết trước thời hạn và xử lý các vấn đề liên quan thực hiện theo Hợp đồng và pháp luật về dân sự. Việc xử lý tài sản tham gia liên doanh, liên kết và tài sản được hình thành thông qua hoạt động liên doanh, liên kết được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt tài trợ

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định phê duyệt đối với các khoản tài trợ có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên.

2. Giám đốc Trung tâm quyết định phê duyệt các khoản tài trợ có giá trị dưới 10 tỷ đồng.

Điều 11. Hồ sơ tiếp nhận tài trợ

1. Trung tâm chủ trì chuẩn bị hồ sơ tiếp nhận tài trợ.

2. Trung tâm có nhiệm vụ phối hợp với nhà tài trợ trong quá trình lập hồ sơ.

3. Trung tâm có trách nhiệm triển khai, đảm bảo về tiến độ, chất lượng và nội dung hồ sơ tài trợ.

4. Hồ sơ tiếp nhận tài trợ được lập thành 04 (bốn) bộ bằng tiếng Việt gồm các tài liệu sau:

- a) Văn bản đề nghị phê duyệt các khoản tài trợ;
- b) Văn bản nhất trí tài trợ của nhà tài trợ;
- c) Dự thảo văn kiện hoặc hợp đồng hoặc thoả thuận tài trợ;

d) Bản sao công chứng còn hiệu lực giấy đăng ký hoạt động/đăng ký doanh nghiệp và/hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân đối với tổ chức là nhà tài trợ hoặc bản sao công chứng còn hiệu lực thẻ căn cước/hộ chiếu đối với cá nhân là nhà tài trợ;

đ) Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình, dự án (nếu tài trợ cho chương trình, dự án cụ thể) kèm dự thảo văn kiện dự án;

e) Bản sao công chứng còn hiệu lực của các tài liệu gồm: chứng thư giám định chất lượng hàng hoá, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải đã qua sử dụng được cấp bởi tổ chức giám định hợp pháp và đủ năng lực được Nhà nước công nhận; Giấy chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền; tài liệu chứng nhận sở hữu của nhà tài trợ; Biên bản thẩm định giá tài sản của Trung tâm.

g) Tài trợ cho công trình, dự án, hồ sơ tiếp nhận tài trợ bao gồm hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và đầu tư xây dựng công trình;

h) Các văn bản ghi nhớ với nhà tài trợ;

i) Tài liệu khác (nếu cần thiết)

2. Văn kiện, hồ sơ tài trợ phải có những nội dung chủ yếu sau:

a) Sự cần thiết của việc tiếp nhận tài trợ, trong đó nêu rõ những vấn đề mà khoản tài trợ sẽ được sử dụng để giải quyết.

b) Mục tiêu của khoản tài trợ.

c) Những kết quả chủ yếu của việc sử dụng khoản tài trợ và các chỉ số đo lường các kết quả đó.

d) Thời gian thực hiện khoản tài trợ và địa bàn thực hiện.

đ) Cam kết, điều kiện đối với khoản tài trợ của nhà tài trợ và cam kết của Trung tâm để sử dụng khoản tài trợ.

e) Tổng giá trị của khoản tài trợ.

g) Phương thức tổ chức, quản lý và sử dụng khoản tài trợ.

h) Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện khoản tài trợ (nếu cần thiết).

i) Kế hoạch theo dõi, đánh giá kết quả sử dụng khoản tài trợ (nếu cần thiết).

Điều 12. Đánh giá hồ sơ tiếp nhận tài trợ

1. Hồ sơ khoản tài trợ phải được đánh giá để làm cơ sở phê duyệt, ký kết và thực hiện.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao một đơn vị chức năng trực thuộc tổ chức đánh giá hồ sơ tiếp nhận tài trợ đối với trường hợp thẩm quyền phê duyệt khoản tài trợ của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trung tâm thành lập Hội đồng đánh giá hoặc giao cho một bộ phận để tự đánh giá, phê duyệt khoản tài trợ thuộc thẩm quyền của Giám đốc Trung tâm.

4. Đơn vị chủ trì đánh giá có thể mời các đơn vị chuyên môn, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định hồ sơ khoản tài trợ nếu thấy cần thiết.

đ) Bản sao Giấy đăng ký hoạt động/đăng ký kinh doanh và/hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân đối với tổ chức là nhà tài trợ hoặc bản sao chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ căn cước đối với cá nhân là nhà tài trợ.

e) Văn bản xác nhận giá trị của tài sản được tài trợ và chứng thư thẩm định giá đối với tài sản được tài trợ được cấp bởi tổ chức thẩm định giá hợp pháp và đủ năng lực được Việt Nam công nhận (nếu có).

4. Nội dung chính của báo cáo đánh giá:

a) Sự phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành của các số liệu, luận cứ, tính toán, kết luận và đề xuất nêu trong hồ sơ được thẩm định.

b) Tính khả thi của khoản tài trợ.

c) Tính hợp lý của việc sử dụng khoản tài trợ cho các hoạt động của Trung tâm.

d) Những vấn đề bất cập, tồn tại, hướng xử lý, biện pháp xử lý, tổ chức có trách nhiệm xử lý và thời hạn xử lý.

đ) Những cam kết trong trường hợp thay đổi cơ chế, chính sách, sự khác biệt về thủ tục tiếp nhận và thực hiện khoản tài trợ.

e) Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện (bao gồm cả năng lực tài chính) của Trung tâm.

g) Hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả thực hiện vào thực tiễn và tính bền vững của việc thực hiện khoản tài trợ.

h) Những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên liên quan.

i) Đề xuất về việc Trung tâm được tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản tài trợ.

k) Thời hạn hoàn thiện hồ sơ khoản tài trợ.

l) Thông tin về nhà tài trợ.

5. Trong quá trình đánh giá, đơn vị chức năng trực thuộc Bộ hoặc Hội đồng đánh giá của Trung tâm có thể gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. Các cơ quan, đơn vị tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

9. Quy trình và thời hạn đánh giá đối với khoản tài trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đơn vị đánh giá thực hiện đánh giá hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ chưa hoàn thiện, đơn vị đánh giá yêu cầu Trung tâm bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ.

- Nếu hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, đơn vị đánh giá tiến hành đánh giá và chuẩn bị Báo cáo kết quả đánh giá kèm theo biên bản đánh giá trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thời hạn đánh giá không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định việc lấy ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị có liên quan.

10. Quy trình và thời hạn đánh giá đối với khoản tài trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Giám đốc Trung tâm

Bước 1: Giám đốc Trung tâm thành lập Hội đồng đánh giá hoặc giao cho một bộ phận đánh giá thực hiện đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ trên cơ sở quy định tại Khoản 4 Điều này;

Bước 2: Đánh giá

Trường hợp hồ sơ chưa hoàn thiện, ban chủ trì lập hồ sơ tiếp nhận tài trợ bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ.

Nếu hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, bộ phận trách nhiệm đánh giá tiến hành đánh giá và hoàn thiện Báo cáo kết quả đánh giá kèm theo biên bản đánh giá.

Thời hạn đánh giá đối với các khoản tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác là không quá 10 ngày làm việc kể từ khi đủ hồ sơ hợp lệ.

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Trung tâm quyết định việc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 13. Phê duyệt khoản tài trợ

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Trung tâm quyết định phê duyệt khoản tài trợ theo thẩm quyền. Trường hợp khoản tài trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho Trung tâm đối với khoản tài trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để Trung tâm thông báo cho nhà tài trợ về việc không tiếp nhận tài trợ.

2. Văn bản, quyết định phê duyệt khoản tài trợ gồm những nội dung chính sau:

- a) Tên khoản tài trợ;
- b) Bên tiếp nhận khoản tài trợ: Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia; Tên tổ chức, cá nhân là nhà tài trợ;
- c) Mục tiêu và kết quả chủ yếu của khoản tài trợ;
- d) Thời gian và địa bàn thực hiện;
- đ) Tổng giá trị của khoản tài trợ.

3. Văn bản, quyết định phê duyệt khoản tài trợ (bản chính) kèm theo văn kiện, hồ sơ cụ thể có đóng dấu giáp lai cũng như các tài liệu liên quan khác phải được gửi tới các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 14. Ký kết văn kiện, hợp đồng, thỏa thuận tài trợ

1. Việc ký kết văn kiện, hợp đồng, thỏa thuận tài trợ chỉ tiến hành sau khi hồ sơ tiếp nhận tài trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Trung tâm thông báo chính thức bằng văn bản cho nhà tài trợ.

2. Giám đốc Trung tâm thực hiện ký kết văn kiện, hợp đồng, thỏa thuận tài trợ với nhà tài trợ.

3. Công bố thông tin: Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày ký kết văn kiện, hồ sơ tài trợ, Trung tâm có trách nhiệm công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Trung tâm.

Điều 15. Tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản tài trợ

1. Đối với khoản tài trợ bằng tiền:

- a) Trung tâm mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng số tiền được tài trợ;
- b) Trung tâm mở tài khoản tại ngân hàng thương mại để tiếp nhận đối với khoản tài trợ được chuyển khoản;

2. Đối với khoản tài trợ bằng tài sản không phải là tiền:

a) Trường hợp tài trợ bằng kim cương, đá quý, kim loại quý, Trung tâm bán cho Ngân hàng Thương mại hoặc tổ chức bán đấu giá và nộp số tiền thu được vào tài khoản của Trung tâm.

b) Trung tâm có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nhận bàn giao, chuẩn bị mặt bằng, kho bãi để bảo quản tài sản tài trợ đảm bảo thuận lợi, nhanh chóng. Trung tâm mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng tài sản phi tiền tệ được tài trợ.

c) Trường hợp tài trợ, đóng góp bằng công trình xây dựng cơ bản theo hình thức “chìa khóa trao tay”: Nhà tài trợ hoàn thành hồ sơ, tài liệu và chứng từ liên

quan đến xây dựng công trình chuyên cho Trung tâm để thực hiện hạch toán theo giá trị công trình tài trợ đã nhận bàn giao;

d) Trường hợp tài trợ bằng thiết bị, máy móc: Nhà tài trợ cung cấp tài liệu, hồ sơ kỹ thuật cho Trung tâm theo quy định của pháp luật hiện hành.

e) Trường hợp tài trợ bằng quyền sử dụng đất: Nhà tài trợ cung cấp các hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất và làm các thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất cho Trung tâm tiếp nhận, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

g) Trường hợp tài trợ bằng quyền sở hữu trí tuệ, Trung tâm tiếp nhận, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật hiện hành.

3. Quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng tài trợ phải tuân thủ đúng mục tiêu đã đề ra, đảm bảo tiến độ thời gian, tiêu chuẩn, định mức quy định, tuân thủ các quy định hiện hành về trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng và mua sắm đầu thầu.

4. Các sản phẩm, công trình hình thành từ các khoản tài trợ phải được sử dụng đúng mục đích và được bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng thường xuyên để phát huy hiệu quả sử dụng, không để thất thoát, lãng phí.

5. Trung tâm có trách nhiệm kiểm soát, giải ngân, hạch toán tài sản được tài trợ theo quy định pháp luật về kế toán, quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm, sử dụng tài sản được tài trợ đúng mục đích, nội dung công việc đã cam kết với nhà tài trợ.

Điều 16. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hồ sơ, quyết định phê duyệt khoản tài trợ trong quá trình thực hiện

1. Đối với các khoản tài trợ do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt:

a) Việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được thực hiện khi thay đổi các mục tiêu dài hạn (nếu có) và mục tiêu ngắn hạn, phương thức tổ chức, quản lý và thực hiện, các kết quả chủ yếu và địa bàn thực hiện của khoản tài trợ đã được phê duyệt hoặc các điều chỉnh về tiến độ thực hiện dẫn đến vượt quá 24 tháng so với thời gian đã được phê duyệt phải được báo cáo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định.

b) Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất điều chỉnh, đơn vị chủ trì đánh giá hồ sơ tiếp nhận tài trợ trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với khoản tài trợ.

2. Đối với khoản tài trợ do Giám đốc Trung tâm phê duyệt:

a) Những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung làm cho khoản tài trợ trở thành một trong các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và

Đầu tư thì đơn vị chủ trì thẩm định khoản tài trợ chủ trì, phối hợp với Trung tâm báo cáo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định.

b) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này Giám đốc Trung tâm quyết định.

c) Chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi chấp thuận việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với khoản tài trợ, Giám đốc Trung tâm ban hành quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với khoản tài trợ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Giao một đơn vị chủ trì đánh giá, góp ý đề án sử dụng tài sản công, hồ sơ tiếp nhận khoản tài trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Hội đồng quản lý.

2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện và sửa đổi, bổ sung Thông tư này.

Điều 18. Trách nhiệm của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia

1. Lập đề án sử dụng tài sản công và lựa chọn các đối tác liên doanh, liên kết theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Thông tư này.

2. Tiếp nhận tài trợ theo mục tiêu, nguyên tắc, hình thức quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Chủ trì chuẩn bị hồ sơ đề án sử dụng tài sản công và hồ sơ khoản tài trợ theo nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao; đảm bảo tiến độ, chất lượng và nội dung hồ sơ.

4. Phối hợp với các tổ chức trong nước và nhà tài trợ trong quá trình lập hồ sơ tiếp nhận tài trợ.

5. Gửi văn bản quyết định phê duyệt khoản tài trợ và các tài liệu liên quan khác tới các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

6. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khoản tài trợ, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

7. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, sửa đổi, bổ sung Thông tư này.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia vào các hợp đồng kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết có sử dụng tài sản công của Trung tâm có trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định của hợp đồng đã ký kết.

2. Nhà tài trợ phải tự đảm bảo và tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc, tính hợp pháp của khoản tài trợ.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia thẩm định, đánh giá chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định, đánh giá có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

Điều 20. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Nhà tài trợ có đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển đổi mới và sáng tạo được Trung tâm vinh danh theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cấp trên các hình thức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

2. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, tài trợ và tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản tài trợ trái với quy định tại Thông tư này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 21. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với tài sản công đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Đề án đã được phê duyệt.

2. Đối với các khoản tài trợ được tiếp nhận trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các Văn kiện hoặc hợp đồng tài trợ đã ký kết.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng và Các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;

Nguyễn Chí Dũng

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Công TTĐT của Chính phủ;
- Công TTĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, Vụ PC, TTĐMST

Mẫu số 01/TSC-ĐA

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-ĐA

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN

Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật Thủ đô năm 2024;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

2. Cơ sở thực tiễn

- a) Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
- b) Cơ cấu tổ chức của đơn vị.
- c) Đối tượng phục vụ (cung cấp dịch vụ sự nghiệp công) của đơn vị.

d) Các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

đ) Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị

a) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị theo các nhóm tài sản:

(Chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại)

b) Tài sản đang sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết (nếu có)

- Chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, thời hạn sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

- Hình thức/phương thức sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

- Kết quả của việc sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết của 03 năm liền trước năm xây dựng đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi; tỷ trọng doanh thu từ việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết trong tổng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị; tỷ trọng tiền do ngân sách nhà nước cấp trong tổng dự toán chi hằng năm của đơn vị....).

2. Phương án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết

2.1. Phương án sử dụng tài sản công tại đơn vị:

a) Tài sản dự kiến sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:

- Chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại; phần giá trị tài sản trực tiếp sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết (nguyên giá, giá trị còn lại) được xác định trên cơ sở tỷ lệ thời gian sử dụng, tần suất sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết. Riêng đối với tài sản là thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập, phần giá trị thương hiệu được sử dụng vào mục đích liên doanh, liên kết được xác định như sau:

$$TH1 = TH * DT1$$

DT1 + DT2

Trong đó:

TH1: Phần giá trị thương hiệu được sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

TH: Giá trị thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập được xác định theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

DT1: Doanh thu trung bình dự kiến từ hoạt động kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

DT2: Tổng nguồn thu sự nghiệp trung bình 03 năm liền trước năm xây dựng đề án của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tỷ lệ nguyên giá tài sản sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết so với tổng nguyên giá tài sản đơn vị đang quản lý, sử dụng; phương án sử dụng đất khi sử dụng tài sản gắn liền với đất để kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết...).

b) Sự cần thiết của việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết (nêu rõ trường hợp áp dụng theo quy định Điều 4 Thông tư này; khả năng đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao khi sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết;...).

c) Thời gian thực hiện kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

d) Hình thức/phương thức sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

đ) Phương án tài chính của việc kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

- Dự kiến tổng doanh thu: Doanh thu được ước tính trên cơ sở điều tra khảo sát, thu thập các thông tin về giá cho thuê, giá cung cấp dịch vụ và các yếu tố khác hình thành doanh thu của các khu vực có khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tương đương tại thời điểm lập Đề án.

- Dự kiến tổng chi phí: Tổng chi phí gồm các khoản:

+ Chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ (nếu có); chi phí lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh; chi phí vận chuyển, bảo hiểm.

+ Chi phí kinh doanh; chi phí quản lý; chi phí trực tiếp cấu thành dịch vụ (như: chi phí vật tư, vật phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, nhân công,...).

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định (chỉ xác định chi phí khấu hao đối với các tài sản công trực tiếp sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết tương ứng với phần giá trị tài sản sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết).

+ Chi phí lãi vay; thuế, phí, lệ phí.

+ Chi phí khác.

Các khoản mục chi phí phải phù hợp với định mức, đơn giá kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành và quy định của pháp luật, trường hợp không có định mức, đơn giá kinh tế, kỹ thuật thì phải xác định trên cơ sở thực tế thị trường.

- Chênh lệch thu, chi.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:

- Dự kiến chênh lệch thu chi bình quân hằng năm của đơn vị trong thời gian sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết; so sánh với chênh lệch thu chi bình quân 03 năm trước liền kề;

- Dự kiến số tiền do ngân sách nhà nước cấp và tỷ trọng tiền do ngân sách nhà nước cấp trong tổng dự toán chi hằng năm của đơn vị trong thời gian sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết; so sánh với các chỉ tiêu tương ứng trong 03 năm trước liền kề;

- Số lượng, chất lượng, mức giá dịch vụ sự nghiệp công dự kiến.

3. Việc đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

4. Phương án xử lý tài sản sau khi kết thúc thời gian liên doanh, liên kết hoặc chấm dứt hợp đồng trước hạn.

(Mục này được áp dụng khi lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết.

5. Thời hạn thực hiện Đề án.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)